

Số: /NQ/ĐHĐCĐ

Hải Phòng, ngày 28 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty được ban hành kèm theo Quyết định số 1065/QĐ-HĐQT ngày 29/6/2021.
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương.

Điều 2. Thông qua miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương đối với Ông Nguyễn Văn Phụng kể từ ngày 28/4/2026.

Điều 3. Thông qua tờ trình bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027. Kết quả cụ thể như sau:

.....

Điều 4. Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/6/2021

1. Sửa đổi Mục 1.3 Điều 1 Giải thích các thuật ngữ: “1.3. “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14”

2. Sửa đổi Khoản 3, Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty như sau:

“3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 10, đường Hồng Quang, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

- Điện thoại: (0220)3540381 - 3859103.

- Fax: (0220)3859010

- Hotline: 19009436.

- Email: ctycnhd@vnn.vn

- Website: hdwaco.com.vn”

3. Bổ sung Khoản 8, Điều 6 Vốn điều lệ, cổ phần như sau: “8. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty không vượt quá 35% (Ba mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ”.

4. Sửa đổi, hủy bỏ một số nội dung Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông như sau:

4.1. Sửa đổi Mục 1.4, Khoản 1, Điều 14 như sau: “1.4. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.”

4.2. Sửa đổi Mục 2.15, Khoản 2, Điều 14 như sau: “2.15. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.”

4.3. Sửa đổi Mục 2.17, Khoản 2, Điều 14 như sau: “2.17. Các giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.”

4.4. Hủy bỏ Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14.

4.5. Sửa đổi lại các Mục 2.19; 2.20, 2.21 thành 2.18; 2.19; 2.20 cho phù hợp với nội dung.

5. Sửa đổi Mục 2.8, Khoản 2, Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị như sau: “2.8. Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.”

6. Sửa đổi Khoản 1 Điều 27 Lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

“1. Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao của các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị

7.1. Sửa đổi Mục 3.7 Khoản 3, Điều 28 như sau: “3.7. Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký

Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc (Trưởng) văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua”.

7.2. Sửa đổi Mục 3.8 Khoản 3 Điều 28 như sau: “3.8. Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc sau khi thông qua Hội đồng quản trị”.

7.3. Bổ sung Khoản 2 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau: “3.10. Quyết định tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng lao động đã được phê duyệt”.

7.4. Bổ sung Khoản 3 Điều 28 như sau: “3.11. Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc”.

7.5. Sửa đổi Mục 3.10 Khoản 3 Điều 28 Chủ tịch Hội đồng quản trị như sau: “3.12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp”.

8. Sửa đổi Mục 4.10, Khoản 4, Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc như sau: “4.10. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng quy định tại khoản 4.9 Điều này”.

9. Bổ sung Khoản 11, Điều 38 Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát như sau: “11. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ”.

10. Sửa đổi Khoản 1, Điều 45. Phân phối lợi nhuận như sau: “1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Việc trích tỷ lệ phần trăm (%) cho các quỹ khen thưởng, phúc lợi, phát triển sản xuất do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, phù hợp với quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.”

Điều 5. Thông qua Tờ trình Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

I. Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Hủy bỏ căn cứ: Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1047/NQ/ĐHĐCD ngày 25 tháng 6 năm 2021;

3. Sửa đổi nội dung tại Mục 1.2, Khoản 1, Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty”

* Nay sửa đổi thành:

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.

4. Sửa đổi một số nội dung tại Tiểu mục b, Mục 2.5, Khoản 2, Điều 2. Đại hội đồng cổ đông:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

- Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

* Nay sửa đổi thành:

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn trên 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án.

- Các giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.

5. Sửa đổi nội dung tại Khoản 1, Điều 3. Hội đồng quản trị:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

* Nay sửa đổi thành:

- Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt

quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.”

6. Sửa đổi nội dung tại Mục 3.1, Khoản 3, Điều 3. Hội đồng quản trị:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Chủ tịch hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao

- Thành viên hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó không hưởng thêm thù lao thành viên hội đồng quản trị

- Thành viên hội đồng quản trị không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên hội đồng quản trị

* Nay sửa đổi thành:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách được hưởng thù lao của các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị.

7. Bổ sung nội dung tại Khoản 1, Điều 4. Ban kiểm soát:

Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ

8. Sửa đổi nội dung tại Khoản 1, Điều 5 Tổng giám đốc:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển đổi vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng quy định tại Điều lệ Công ty sau khi được sự phê chuẩn của Hội đồng quản trị.

* Nay sửa đổi thành:

- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động, chuyển đổi vị trí công tác, quyết định mức lương, lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty trừ đối tượng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Sửa đổi nội dung tại Điều 7. Hiệu lực thi hành:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

- Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 07 điều và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021.

* Nay sửa đổi thành:

- Quy chế Nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

II. Quy chế Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Sửa đổi Mục g, Mục h, Khoản 3, Điều 7 Chủ tịch Hội đồng quản trị:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

g) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương, văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

h) Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc và được hội đồng quản trị thông qua.

* Nay sửa đổi thành:

g) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty, Giám đốc (Trưởng) văn phòng đại diện của Công ty tại các liên doanh đã được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua.

h) Phê duyệt kế hoạch tuyển dụng lao động hàng năm trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc sau khi thông qua Hội đồng quản trị.

3. Bổ sung Mục k, Mục n, Khoản 3, Điều 7 Chủ tịch Hội đồng quản trị:

k) Quyết định tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch tuyển dụng lao động đã được phê duyệt”.

n) Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng, ban; Giám đốc, phó Giám đốc chi nhánh và tương đương trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc”.

4. Sửa đổi Mục h, Khoản 2, Điều 11 Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

* Nay sửa đổi thành:

h) Quyết định dự án đầu tư, khoản đầu tư; chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư, mua, thuê mua, bán tài sản cố định, góp vốn liên doanh có mức vốn dưới 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án, chuyển nhượng dự án trừ các giao dịch quy định tại Mục 2.18, Khoản 2, Điều 14. Việc vay (huy động) vốn thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP; trường hợp vay vốn dẫn đến tổng số nợ phải trả vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm vay vốn phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Sửa đổi Khoản 1, Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

* Nay sửa đổi thành:

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Mục 4 Khoản 84 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Công ty không được đầu tư để góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp khác mà người quản lý, người đại diện tại doanh nghiệp đó là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, cha dượng, mẹ kế, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

6. Sửa đổi Điều 24. Hiệu lực thi hành

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

* Nay sửa đổi thành:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 24 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

III. Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Bổ sung một số căn cứ như sau:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; và Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 có hiệu lực 01/7/2025 sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 28 tháng 4 năm 2026.

2. Bổ sung Khoản 26, Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

26. Trường hợp Hội đồng quản trị không thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về kiểm toán nội bộ Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm toán nội bộ

3. Sửa đổi Điều 22. Hiệu lực thi hành

* Nội dung quy chế đã phê duyệt

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2021.

* Nay sửa đổi thành:

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương bao gồm 7 chương, 22 điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 25/6/2021 và Các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

Điều 6. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính và Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025.

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

| STT | CHỈ TIÊU CHÍNH | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |
|-----|---|----------------------|------------|------------|
| I | SẢN PHẨM SẢN XUẤT CHỦ YẾU | | | |
| 1 | - Sản xuất nước sạch đầu nguồn | Triệu m ³ | 75,17 | 75,4 |
| 2 | - Sản lượng doanh thu nước sạch | Triệu m ³ | 64,8 | 67,3 |
| 3 | - Tỷ lệ thất thoát, thất thu | % | 13,8 | 15 |
| 4 | - Phát triển khách hàng | Hộ | 4.000 | 5.679 |
| II | CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | | |
| 1 | Vốn chủ sở hữu (vốn điều lệ) | Triệu đồng | 318.824,70 | 318.824,70 |
| 2 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 619.400 | 604.458 |
| | - Doanh thu nước sạch | Triệu đồng | 595.750 | 582.987 |
| | - Thi công xây lắp | Triệu đồng | 9.000 | 11.012 |
| | - Nước tinh lọc và hoạt động khác | Triệu đồng | 14.650 | 10.459 |
| 3 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 558.200 | 543.122 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 61.200 | 61.336 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 48.300 | 48.516 |
| III | CÁC CHỈ TIÊU KHÁC | | | |
| 1 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 79.800 | 83.126 |
| | - Các loại thuế, phí | Triệu đồng | 63.014 | 66.340 |
| | - Cổ tức trả nhà nước | Triệu đồng | 16.786 | 16.786 |
| 2 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu | % | 9,88 | 10,1% |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ vốn CSH | % | 19,2 | 26,1% |
| 4 | Tổng quỹ lương NLD | Triệu đồng | 106.097 | 108.179 |
| 5 | Tổng lao động | Người | 945 | 934 |
| 6 | Lương bình quân người/tháng | Triệu đồng | 9,356 | 9,652 |

2. Báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025

Các chỉ tiêu chính như sau:

| STT | CHỈ TIÊU | ĐƠN VỊ TÍNH | THỰC HIỆN |
|-----|------------------|-------------|-----------------|
| I | Tổng tài sản | đồng | 911.990.849.411 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | đồng | 73.493.071.501 |
| 2 | Tài sản dài hạn | đồng | 838.497.777.910 |
| II | Tổng nguồn vốn | đồng | 911.990.849.411 |
| 1 | Nợ phải trả | đồng | 438.134.374.130 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | đồng | 473.856.475.281 |

(Chi tiết tại báo cáo tài chính niên độ kỳ kế toán từ 01/01/2025 đến 31/12/2025 đã được công bố thông tin trên website: hdwaco.com.vn)

3. Phân phối lợi nhuận niên độ kỳ kế toán:

| STT | CHỈ TIÊU | ĐVT | KẾ HOẠCH | THỰC HIỆN |
|-----|-----------------------------------|------|----------------|----------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế năm 2025 | đồng | 48.300.000.000 | 48.516.171.731 |
| 2 | Lợi nhuận để trả cổ tức (8,2%) | đồng | 26.144.000.000 | 26.143.625.400 |
| 3 | Trích quỹ đầu tư phát triển | đồng | 14.171.000.000 | 9.703.234.346 |
| 4 | Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | đồng | 7.985.000.000 | 12.669.311.985 |
| 4.1 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi của BDH | đồng | | 1.900.396.798 |
| 4.2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi của NLD | đồng | | 10.768.915.187 |

4. Ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định:

Thời gian chi trả cổ tức và thực hiện các thủ tục liên quan đến chia cổ tức cho các cổ đông theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty.

Điều 7. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

1. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026

| STT | CHỈ TIÊU CHÍNH | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾ HOẠCH |
|-----|---|----------------------|----------|
| I | SẢN LƯỢNG DOANH THU NƯỚC SẠCH | Triệu m ³ | 68,8 |
| II | CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH | | |
| 1 | Tổng doanh thu | Triệu đồng | 614.950 |
| 2 | Tổng chi phí | Triệu đồng | 551.650 |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | Triệu đồng | 63.300 |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | Triệu đồng | 49.900 |
| III | CÁC CHỈ TIÊU KHÁC | | |
| 1 | Nộp ngân sách | Triệu đồng | 86.300 |
| 2 | Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu | % | 10,29 |
| 3 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH | % | 10,41 |

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

| STT | CHỈ TIÊU CHÍNH | ĐƠN VỊ TÍNH | KẾ HOẠCH |
|-----|-----------------------------------|-------------|----------|
| | Lợi nhuận sau thuế năm 2026 | Triệu đồng | 49.900 |
| 1 | Trả cổ tức bằng tiền dự kiến 8,2% | % | 26.144 |
| 2 | Trích quỹ đầu tư phát triển | Triệu đồng | 12.475 |
| 3 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | Triệu đồng | 11.281 |
| 3.1 | Quỹ khen thưởng | Triệu đồng | 2.256 |
| 3.2 | Quỹ phúc lợi | Triệu đồng | 9.025 |

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét và quyết định:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận sau thuế đạt được của năm 2026, quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước:

- Quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;
- Quyết định trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác theo quy định.

Điều 8. Thông qua Báo cáo về kết quả hoạt động của HĐQT, thành viên HĐQT năm 2025 và định hướng, kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026

Điều 9. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát

Điều 10. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về tiêu chí và danh sách lựa chọn đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2026.

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập thuộc danh sách các doanh nghiệp kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026 theo Quyết định số 3830/QĐ-BTC ngày 14/11/2025 của Bộ tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2026;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và kinh nghiệm, trung thực, khách quan, có uy tín, đề cao đạo đức nghề nghiệp;
- Không có quan hệ mua bán cổ phiếu, tài sản hoặc góp vốn liên doanh với Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương;
- Đáp ứng yêu cầu của Công ty về phạm vi, tiến độ và chất lượng kiểm toán;
- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Danh sách đề xuất các đơn vị kiểm toán:

1. Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
2. Công ty TNHH kiểm toán An Việt (ANVIET)
3. Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY (UHY)

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn và ký kết hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 11. Thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về Quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2025 và Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026.

I. Mức tiền lương, thù lao thực hiện của HĐQT, BKS năm 2025.

1. Mức lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 20/6/2025:

| TT | Chức danh quản lý | Mức lương (đồng/tháng) | Mức thù lao (đồng/tháng) |
|----|--|---------------------------|-----------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 37.000.000 | |
| 2 | Phó CT HĐQT | | 3.000.000 |
| 3 | Thành viên HĐQT (không CTr) | | 6.000.000 |
| 4 | Trưởng BKS (CTr) | 26.000.000 | |
| 5 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 6 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 7 | Tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 8 | Phó tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 9 | Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC | | 2.000.000 |

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người (Trưởng BKS, 02 Thành viên.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

| TT | Chi tiêu | ĐVT | Kế hoạch | Thực hiện | % hoàn thành |
|----|---|----------------------|----------------------------|----------------------------|--------------|
| 1 | Sản lượng nước sạch doanh thu | 1.000 m ³ | 64.800 | 67.261 | 103,797% |
| 2 | Tổng doanh thu nước | Tr.đồng | 595.750 | 582.986 | 97,857% |
| 3 | Lao động bình quân (không kể Ban điều hành) | Người | 945 | 929 | |
| 4 | Năng suất lao động | m3/ng/năm | 68.571 | 72.014 | |
| 5 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 79.800 | 83.126 | 104,167% |
| 6 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 61.200 | 61.335 | 100,220% |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 48.300 | 48.516 | 100,447% |
| 8 | Vốn Doanh nghiệp | | Bảo toàn và phát triển vốn | Bảo toàn và phát triển vốn | |

Căn cứ các quy định về thù lao, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. Hội đồng quản trị đề xuất Mức lương tương ứng mức tăng lợi nhuận 0%.

Mức lương, thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT, BKS cụ thể:

| TT | Chức danh quản lý | Mức lương (đồng/tháng) | Mức thù lao (đồng/tháng) |
|----|---|------------------------|--------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 37.000.000 | |
| 2 | Phó CT HĐQT | | 3.000.000 |
| 3 | Thành viên HĐQT (không CTr) | | 6.000.000 |
| 4 | Trưởng BKS (CTr) | 26.000.000 | |
| 5 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 6 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 7 | Tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 8 | Phó tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 9 | Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC | | 2.000.000 |

II. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026.

1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

| STT | Chi tiêu | ĐVT | Kế hoạch |
|-----|---------------------|---------------------|----------|
| 1 | Sản lượng nước sạch | 1000 m ³ | 68.800 |

| | | | |
|---|----------------------|---------|----------------------------|
| 2 | Tổng doanh thu | Tr.đồng | 595.800 |
| 3 | Nộp ngân sách | Tr.đồng | 83.600 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 61.800 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 49.900 |
| 6 | Vốn Doanh nghiệp | | Bảo toàn và phát triển vốn |

2. Nguyên tắc trả lương:

- Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty được trả lương chuyên trách, không hưởng thù lao.

- Phó Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý điều hành Công ty (TGD, Phó TGD, Trưởng phòng Tổ chức hành chính) hưởng lương chuyên trách đối với các chức danh quản lý, lãnh đạo đó và hưởng thêm thù lao thành viên HĐQT.

- Thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, không kiêm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý thì được hưởng thù lao thành viên HĐQT, thành viên BKS

HĐQT hưởng lương chuyên trách gồm có 01 người: Chủ tịch HĐQT.

HĐQT Hưởng thù lao có: 06 người.

BKS hưởng lương chuyên trách gồm có: 03 người, Trưởng BKS, 02 Thành viên.

2. Mức tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2026 của HĐQT, BKS.

Căn cứ quy định quản lý lao động, thù lao, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước, Hội đồng quản trị đề xuất xây dựng mức tiền lương, thù lao kế hoạch của HĐQT, BKS năm 2026 cụ thể như sau:

| TT | Chức danh quản lý | Mức lương (đồng/tháng) | Mức thù lao (đồng/tháng) |
|----|---|---------------------------|-----------------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 37.000.000 | |
| 2 | Phó CT HĐQT | | 3.000.000 |
| 3 | Thành viên HĐQT (không CTr) | | 6.000.000 |
| 4 | Trưởng BKS (CTr) | 26.000.000 | |
| 5 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 6 | Thành viên BKS (CTr) | 17.000.000 | |
| 7 | Tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 8 | Phó tổng giám đốc | | 2.000.000 |
| 9 | Thành viên HĐQT (không CTr) - Trưởng phòng TCHC | | 2.000.000 |

3. Mức tiền lương, thù lao thực hiện năm 2026 của HĐQT, BKS.

Cuối năm, căn cứ vào mức lương, thù lao và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch tại khoản 2 mục 2; Kết quả thực hiện các chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2026 tại khoản 1 mục 2 Tờ trình này và quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần vốn góp chi phối của nhà nước. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT xem xét và quyết định Mức tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2026 và báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2027.

Điều 12. Thông qua Báo cáo công khai lợi ích liên quan của người nội bộ.

Điều 13: Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này được công bố trên trang Website:hdwaco.com.vn.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và các Cổ đông chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát và tổ chức thực hiện các nội dung của bản nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần kinh doanh nước sạch Hải Dương biểu quyết thông qua toàn văn và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/4/2026.

Nơi nhận:

- Tài liệu Đại hội;
- Như Điều 13;
- Lưu VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Vũ Mạnh Dũng